

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

PHÂN TÍCH MỘT SỐ ĐỘNG TỪ TRONG CỤM DẠNG HAVE/TAKE/GIVE+A+[V]N CỦA TIẾNG ANH THEO QUAN ĐIỂM NGHĨA HỌC VÀ DỤNG HỌC

HỒ THỊ KIỀU OANH
(TS, ĐHNN, Đại học Đà Nẵng)

1. Đặt vấn đề

Mặc dầu dạng động từ cụm này được dùng khá phổ biến trong tiếng Anh nhưng việc đi sâu phân tích nó về khía cạnh ngữ nghĩa và ngữ dụng tính đến nay vẫn còn hạn chế. Đó cũng chính là lý do chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này.

2. Cơ sở dữ liệu

Cơ sở dữ liệu sử dụng cho việc nghiên cứu được thu thập chủ yếu từ bản câu hỏi do các nghiên thể người Anh, Úc, Mĩ ở độ tuổi từ: 18-25, 26-35, 36-60 tham gia thực hiện. Ngoài ra, còn có một số dữ liệu được trích từ những công trình nghiên cứu trước đây về ngữ pháp và từ sự ghi nhận của chúng tôi trong quá trình quan sát thực tế.

Để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, chúng tôi đã dùng phương pháp mô tả và so sánh cách dùng một số động từ cụm có cấu trúc HAVE/TAKE/GIVE + A + [V]N với cách dùng một số động từ đơn tương ứng V trong tiếng Anh.

3. Kết quả nghiên cứu và bình luận

3.1. Một số đặc trưng trong cách dùng cấu trúc động từ đơn V và động từ cụm chứa yếu tố danh từ hoá phát sinh từ động từ đơn tương ứng HAVE + A + [V]N trong tiếng Anh

Chúng ta hãy xét các ví dụ sau đây được trích từ bản câu hỏi của công trình nghiên cứu, trong đó chủ ngữ là tác nhân chỉ người và những câu (a) chứa yếu tố động từ đơn

trong khi đó những câu (b) chứa yếu tố danh từ hoá phát sinh từ động từ đơn tương ứng.

A hỏi B “Họ *đã làm gì* sau khi ăn tối?” (*What did they do after dinner?*), B đáp:

(1a) “*They walked*”

“*Họ đã đi tản bộ*”.

A muốn hỏi rõ B về thời gian đi bộ của họ: “Họ *đã đi tản bộ lâu chưa?*”, B giải thích:

(1b) “*They had a walk*”

“*Họ đã đi tản bộ được một lúc*”.

Công an A chất vấn B về hành vi của bạn gái của B trước khi xảy ra án mạng: “Trước đó cô ấy đã làm gì?”, B trả lời:

(2a) “*She sipped the tea*”

“*Nàng đã nhấp trà*”.

Công an A hỏi thêm B chi tiết về khoảng thời gian uống trà của bạn gái của B trước khi xảy ra án mạng: “Thế cô ấy uống trà cùng anh có lâu không?”, B do dự trả lời:

(2b) “*She had a sip of the tea*”

“*Nàng đã nhấp trà được một lúc thì*

... thì chúng tôi chia tay a”.

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong những câu (a) động từ đơn diễn tả những hoạt động như *đi tản bộ (walked)*, *nhấp trà (sipped the tea)* nhưng không nêu lên thời điểm bắt đầu và kết thúc của những hoạt động đó. Ngược lại, trong những câu (b) cấu trúc HAVE + A + [V]N chứa yếu tố danh từ hoá phát sinh từ động từ đơn tương ứng lại hàm ngôn về thời khắc bắt đầu và kết thúc của một hoạt động.

Ngoài ra, trong những câu (a) động từ đơn tập trung xoáy sâu vào hoạt động của chủ thể trong khi đó trong những câu (b) nghĩa hoạt động này được diễn tả bằng yếu tố danh từ hoá đã bị phân tán bởi động từ HAVE đứng trước nó làm giảm lực ngôn ngữ của một hành động lời nói.

Do hai đặc điểm vừa nêu, cấu trúc HAVE + A + [V]N được người nói tiếng Anh bản ngữ dùng phổ biến hơn cấu trúc động từ đơn (V) như là phương tiện nói giảm lực ngôn ngữ của những hành động lời nói có nguy cơ đe dọa thể diện của người nghe như: *yêu cầu, ngỏ lời v. v. . .* nhằm biểu đạt tính lịch sự trong xã giao. Chúng ta hãy xét hai tình huống sau:

- Một phụ tá ngỏ lời mời cấp trên hút thuốc hoặc ngỏ lời khuyên cấp trên nghỉ trong giây lát để giải lao trước khi tiếp tục giải quyết công việc:

(3) “*Sir, would you like to **have a smoke** before we go in?*”

“*Thưa giám đốc, giám đốc có thích **hút thuốc trong giây lát** trước khi chúng ta tiếp tục công việc không ạ?*”

(4) “*Sir, would you like to **have a rest** before we go in?*”

“*Thưa giám đốc, giám đốc có thích **nghỉ giải lao ít phút** trước khi chúng ta tiếp tục công việc không ạ?*”

Trong những tình huống này, người phụ tá không biết vị giám đốc hiện thời với công việc quá bận rộn có thích/muốn hút thuốc hoặc nghỉ giải lao không (cho dầu ông vẫn thích hút thuốc lá hoặc giải lao giữa buổi như một thói quen thường nhật). Do vậy, người phụ tá đã tỏ ra tế nhị bằng cách dùng phương tiện nói giảm với cấu trúc chứa yếu tố danh từ hoá phát sinh từ động từ như *have a smoke, have a rest* bởi lẽ yếu tố danh từ hoá *a smoke, a rest* diễn đạt sự hạn chế về thời gian (trong *giây lát, ít phút, một chút, v.v. . .*) cũng như tính gián tiếp, ước thử (tentativeness). Theo đánh giá của người nói tiếng Anh bản ngữ, hành động ngỏ lời với cấu trúc chứa yếu tố danh từ hoá phát sinh từ động từ nêu ở những

ví dụ (3), (4) ở trên nghe có vẻ lịch sự hơn hành động ngỏ lời dùng cấu trúc động từ đơn như ở những ví dụ sau đây khi người ngỏ lời nói với giám đốc là cấp trên của mình:

(5) “*Sir, would you like **to smoke** before we go in?*”

“*Thưa giám đốc, giám đốc có thích **hút thuốc** trước khi chúng ta tiếp tục công việc không ạ?*”

(6) “*Sir, would you like **to rest** before we go in?*”

“*Thưa giám đốc, giám đốc có thích **nghỉ giải lao** trước khi chúng ta tiếp tục công việc không ạ?*”

Tuy nhiên, hành động ngỏ lời dùng động từ đơn V có thể nghe lịch sự không kém hành động ngỏ lời dùng cấu trúc chứa yếu tố danh từ hoá phát sinh từ động từ đơn tương ứng HAVE + A + [V]N khi người ngỏ lời dùng thêm điều kiện tố giảm lực là các phó từ chỉ giới hạn về thời gian như: *a moment, a while, v. v. . .*

(7) “*Sir, would you like **to smoke/to rest a moment/a while** before we go in?*”

Thế nhưng trong tình huống khẩn cấp, người nói tiếng Anh bản ngữ thường dùng động từ đơn như ở ví dụ (8a) {thay vì dùng động từ cụm động dài hơn chứa yếu tố danh từ hoá phát sinh từ động từ như ở ví dụ (8b)} để có thể đạt hiệu quả cao trong giao tiếp.

A khẩn khoản yêu cầu B nhanh chân chạy gọi bác sĩ ở cạnh nhà để giúp người hàng xóm bị tai nạn và đang chờ sơ cứu:

(8a) “*Run!*”

“*Nhanh lên!*”

Trong trường hợp ít khẩn cấp hơn, người phát ngôn A có thể dùng cấu trúc chứa yếu tố danh từ hoá phát sinh từ động từ để lời yêu cầu nghe có vẻ nhã nhặn hơn:

(8b) “*Have a run!*”

“*Nhanh chân lên một chút nhé!*”

Nếu không vì tính cấp thiết của tình huống, người nói có thể bị coi là khiếm nhã khi dùng câu mệnh lệnh với động từ đơn như ở (8a). Điều này trùng hợp với nhận định của Brown

P., Levinson S. [1, tr. 72] và Nguyễn Đức Hoạt [2, tr. 49] rằng người nói có thể sử dụng chiến lược nói trực tiếp và không cần có hành động lời nói đền bù sự đe dọa thể diện đối với người nghe (bald-on-record and non-redressed strategy) khi phép lịch sự phải nhường bước cho tính hiệu quả của tình huống.

3.2. Một vài đặc trưng trong cách dùng một số động từ cụm HAVE/TAKE + A + [V]N trong tiếng Anh

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng một số danh từ như *a bite, a gulp, a sip, a swallow* phát sinh từ những động từ mang nghĩa *ăn, uống, dùng* chẳng hạn như *to bite (cắn), to gulp (nốc rượu), to sip (nhấp rượu), to swallow (nuốt)*, v.v...có khả năng kết hợp với cả hai động từ đơn *have* và *take*. Kết quả này trùng hợp với nhận định của Live A. H. [3]. Do vậy chúng ta có thể bắt gặp một số cặp động từ cụm như: *to have/take a bite, to have/take a gulp, to have/take a sip, v. v...* Ngoài ra, theo Quirk R. et al [4], việc dùng *have* hoặc *take* còn thể hiện sự khác biệt nhất định theo qui định của từng nơi. Khi cả hai động từ *have/take* có thể dùng được với cùng một yếu tố danh từ hoá phát sinh từ động từ, cấu trúc HAVE + A + [V]N là cách dùng đặc trưng của người Anh còn cấu trúc TAKE + A + [V]N là cách dùng đặc trưng của người Mỹ. Tuy vậy, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có những trường hợp mà việc sử dụng *have* hoặc *take* với yếu tố danh từ hoá phát sinh từ động từ có thể tạo nên những cặp nghĩa khác nhau. Chẳng hạn, khi dùng *take a bite/sip* thay vì *have a bite/sip* chúng ta muốn nhấn mạnh đến việc người nghe *đi lấy hoặc cầm lấy cái gì đó* trao từ tay ai *để dùng/ăn/uống* hơn là họ *dùng những thứ đã có sẵn bên mình*.

(9) A đang ngồi uống rượu với đồng nghiệp ở quầy rượu thì tình cờ gặp anh bạn thân B cũng đến đây. A đứng lên bắt tay và ngỏ lời mời B cùng uống rượu:

“Take a sip of the wine!”

“Ngồi xuống đây nhấp một chút với bạn mình cho vui!”

3.3. Một số đặc trưng trong cách dùng những cấu trúc HAVE/GIVE + A/AN + ADJECTIVE + [V]N và V + ADVERB trong tiếng Anh

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có sự tương đương về nét nghĩa và cách dùng giữa một số cấu trúc HAVE/GIVE + A/AN + ADJECTIVE + [V]N và V + ADVERB trong tiếng Anh. Điều này thường xảy ra phổ biến hơn đối với động từ *give*:

A kể với B về hoạt động mua sắm trước đêm chúa giáng sinh của những người khách vắng lai ở quanh khu phố mà bà đang sống:

(10a) *“They had a quick walk round the block.”*

(10b) *“They walked quickly round the block”*

“Họ rảo bước quanh dãy phố đó”.

A tâm sự với anh bạn thân B về thái độ tuyệt vọng của cô bạn gái:

(11a) *“She gave a deep sigh”*

(11b) *“She sighed deeply”*

“Nàng thở dài tuyệt vọng”.

A kể với cô bạn thân B về một người đàn bà quý quyết mà cô đã từng gặp phải:

(12a) *“She gave a harsh laugh”*

(12b) *“She laughed harshly”*

“Mụ ta bật lên cười chát chúa”.

Những kết quả tìm thấy này có thể bổ sung cho nhận định của Poutsma [5, tr. 395] rằng đôi khi cũng có những trường hợp không có sự tương đương về ngữ nghĩa và ngữ dụng giữa những cặp động từ cụm dùng tính từ và phó từ. Điều này thường xảy ra với động từ *have*.

A tâm sự với cô bạn thân B về một buổi trưa làm việc thật yên tĩnh vì không có một ai quấy rầy trong phòng:

(13a) *“I had a quiet read in the afternoon”* [5, tr. 395]

“Trưa hôm ấy mình đã đọc sách một mình trong phòng thật yên tĩnh”.

(xem tiếp trang 8)

vật Thúy Kiều đã tiến hành nhiều hành động ngôn ngữ thuộc những nhóm khác nhau: tái hiện, thỉnh cầu, cam kết, biểu cảm và cả tuyên bố (tự lên án mình). Có trường hợp hành động ngôn ngữ được thực hiện trực tiếp theo kiểu câu điển hình, kể cả bằng biểu thức ngữ vi tường minh, nhưng thường được tiến hành bằng phương thức gián tiếp. Mặt khác, hành động ngôn ngữ ở đoạn này, xét về phía người nói, đều thuộc về Thúy Kiều (nên không có từ chỉ chủ thể), nhưng xét về phía đối ngôn lại không phải chỉ là Thúy Vân (người được trao duyên), mà còn là một nhân vật thứ ba - Kim Trọng - và cả bản thân người nói tự nói với mình. Chỉ riêng về phương diện hành động ngôn ngữ, trong một phần không lớn của văn bản Truyện Kiều, ta đã thấy sự phong phú, sinh động của ngôn ngữ trong đời sống giao tiếp hàng ngày, và càng thấm thía thêm về thiên tài nghệ thuật ngôn ngữ của Nguyễn Du.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh, *Từ điển Truyện Kiều*, NXB KH, 1974.
2. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, NXB GD, 1993.
3. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, tập 1, NXBGD, 1998.
4. George Yule, *Dụng học* (bản tiếng Việt), NXB ĐHQG HN, 2003.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 15-03-2010)

(Phân tích một số... tiếp theo trang 26)

A tâm sự với cô bạn thân B về một buổi trưa mà A đã làm việc miệt mài đến nỗi không có thời gian để trò chuyện mặc dầu

quanh cô có rất nhiều người thân trong phòng:

(13b) “*I read quietly in the afternoon*”.
[5, tr. 395]

“*Trưa hôm ấy mình đã lặng lẽ đọc sách và không trò chuyện với một ai trong phòng.*”

4. Kết luận

Trong bài viết này chúng tôi đã thảo luận và phân tích cách dùng một số động từ cụm có cấu trúc HAVE/TAKE/GIVE + A + [V]N trong tiếng Anh trong mối tương quan với một số cấu trúc khác theo quan điểm nghĩa học và dụng học. Kết quả phân tích các khía cạnh ngữ nghĩa và ngữ dụng của những động từ cụm dạng này có thể giúp ích phần nào đối với người học tiếng Anh như một ngoại ngữ để họ có thể hạn chế việc mắc lỗi ngữ dụng trong giao tiếp liên văn hoá và học tiếng Anh tốt hơn. Thật vậy, việc sử dụng cùng một từ dưới dạng danh từ hay động từ trong tiếng Anh nghe có vẻ thật đơn giản nhưng ở đằng sau bề ngoài có vẻ đơn giản ấy lại có thể tiềm ẩn vô số những cách dùng vô đoán mà người học tiếng có thể dễ bị nhầm lẫn nếu những cách dùng này không được phân tích một cách cặn kẽ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Brown P. & Levinson S., *Politeness: Some Universals in Language Usage*, Cambridge University Press, Cambridge, 1987.
- [2] Nguyễn Đức Hoạt, *Politeness Markers in Vietnamese Requests*, Ph. D. Thesis, Monash University, Melbourne, 1995.
- [3] Live A. H., The TAKE-HAVE Phrasal in English, *Linguistics* 95 (1983), p. 31.
- [4] Quirk R. et al, *A Comprehensive Grammar of the English Language*, Longman, London, 1985.
- [5] Poutsma H., *A Grammar of Late Modern English*, P. Noordhoff, Groningen, 1926.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 27-04-2009)